TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 02 - 2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Lê Hiển Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 269/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Chúc H, sinh năm 1990 (Vắng mặt, theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 02 tháng 10 năm 2025).

Địa chỉ: Ấp A, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Vũ L, sinh năm 1989 (Vắng mặt, theo đề nghị xét xử vắng mặt ngày 28 tháng 11 năm 2025).

Địa chỉ: Ấp A, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2025, các đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 05 tháng 12 năm 2025, ngày 18 tháng 12 năm 2025 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Chúc H trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, chị và anh Nguyễn Vũ L tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 14/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (Nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Vĩnh Long). Thời gian vợ chồng

chung sống hạnh phúc được khoảng 12 năm, đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cự cãi, sự việc diễn ra trong thời gian dài, dẫn đến mất hạnh phúc. Nên chị và anh L sống ly thân từ tháng 6/2025 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh L có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh B, sinh ngày 05/10/2013 hiện chị đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 11 năm 2025 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn Vũ L trình bày:

Thống nhất lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Theo anh, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Theo yêu cầu khởi kiện của chị H, nay anh có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh đồng ý giao cháu B cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị H, anh L đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa đã được Kiểm sát viên nhận định, phân tích, cùng với điều luật viện dẫn đề nghị áp dụng như trong phát biểu. Đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, ý kiến đề nghị của anh L.

+ Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh L.

+ Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Giao cháu B cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con. Anh L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị H phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ xong vào trong tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long.

[2] Về phạm vi xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét ngoài yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con như nhận định giải quyết tại các mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*", các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về thủ tục xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt chị H, anh L1 theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Xét lời trình bày của chị H, anh N là đã thật sự tự nguyện ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh L1.

[2] Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Xét cháu B đã trên 12 tuổi, có nguyện vọng muốn tiếp tục sống chung với chị H, được anh L1 đồng ý. Do đó, để ổn định môi trường sống, học tập, quyền lợi về mọi mặt và theo nguyện vọng của cháu B. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu B cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận ý kiến của chị H không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng cho con; anh L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2], [3] "*Về tố tụng*" và các mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*", Tòa án chấp nhận

đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, chấp nhận ý kiến đề nghị của anh L1 giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, Tòa án phải mở phiên tòa để giải quyết theo thủ tục xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết chị H phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 55, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 188, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Chúc H và anh Nguyễn Vũ L.

2. Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh B, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Chúc H được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của chị Nguyễn Thị Chúc H không yêu cầu anh Nguyễn Vũ L cấp dưỡng cho con.

2.3. Anh Nguyễn Vũ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Chúc H phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007181 ngày 24 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành

án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Vắng mặt chị Nguyễn Thị Chúc H, anh Nguyễn Vũ L. Báo cho chị H, anh L biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Minh Tân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND khu vực 2 - Vĩnh Long: 02;
- THADS tỉnh Vĩnh Long (Qua Phòng THADS khu vực 2 - Vĩnh Long): 01;
- UBND xã N: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.